



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/09/2019.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: www.sachgiaoduchanoi.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2019 là 53 người, trong đó, cán bộ quản lý là 14 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Ngô Anh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Phạm Quỳnh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2019
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Hoàng Thị Lan Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019

Ban Kiểm soát

• Bà Đặng Thị Như	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Trần Văn Qué	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Vũ Gia Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2016 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014 Miễn nhiệm ngày 27/06/2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/09/2019
• Ông Cán Hữu Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2019 Miễn nhiệm ngày 01/09/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Phạm Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2019
• Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
• Ông Hà Sỹ Tuyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/04/2014
		Miễn nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ	Bổ nhiệm ngày 02/09/2019
• Bà Phạm Thị Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2019
		Miễn nhiệm ngày 01/09/2019

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 595/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2020 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu có số dư 18.539.398.671 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2019. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản nợ nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác của báo cáo tài chính năm 2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 09/2019/BCKT-PKF.NHN ngày 05/03/2019, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.988.819.261	129.569.147.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.152.860.020	24.584.510.878
1. Tiền	111	5	9.152.860.020	4.584.510.878
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	2.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	21.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.719.797.768	64.428.115.648
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	59.463.059.319	61.808.497.406
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	234.946.613	213.087.283
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	14.000.000.000	1.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	930.520.999	2.659.644.895
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(5.908.729.163)	(1.753.113.936)
IV. Hàng tồn kho	140	13	27.477.808.570	40.541.945.612
1. Hàng tồn kho	141		28.493.014.432	40.957.196.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.015.205.862)	(415.251.096)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		638.352.903	14.575.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	638.352.903	14.575.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.730.969.903	24.513.868.443
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.544.380.624	3.461.598.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	11.b	3.544.380.624	3.461.598.000
II. Tài sản cố định	220		2.388.593.595	3.322.075.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	2.379.843.595	3.292.325.035
- Nguyên giá	222		6.765.483.482	6.765.483.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.385.639.887)	(3.473.158.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	8.750.000	29.750.000
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.250.000)	(33.250.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.665.775.858	4.930.085.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.a	2.400.000.000	2.400.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.b	2.750.000.000	2.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(484.224.142)	(219.915.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.132.219.826	12.800.110.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	11.132.219.826	12.800.110.408
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		150.719.789.164	154.083.015.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VNI
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.717.189.043	26.401.318.901
I. Nợ ngắn hạn	310		22.671.189.043	26.355.318.901
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	11.134.192.028	18.668.689.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.418.282	56.655.439
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	261.210.378	1.009.848.857
4. Phải trả người lao động	314		3.714.392.796	3.443.886.739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	7.129.928.139	30.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	206.554.606	142.570.815
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.804.292.730
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		220.492.814	1.199.374.814
II. Nợ dài hạn	330		46.000.000	46.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	46.000.000	46.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.002.600.121	127.681.696.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	128.002.600.121	127.681.696.680
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	13.796.544.605	13.796.544.605
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	13.458.544.590	13.137.641.149
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22	3.172.057.149	2.898.925.178
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	10.286.487.441	10.238.715.971
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		150.719.789.164	154.083.015.581



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	170.371.851.063	184.770.448.665
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		170.371.851.063	184.770.448.665
4. Giá vốn hàng bán	11	24	117.749.776.478	129.290.391.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>52.622.074.585</u>	<u>55.480.057.526</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.262.185.565	1.082.113.405
7. Chi phí tài chính	22	26	316.021.605	21.528.488
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	51.712.463	21.528.488
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	27.163.090.905	30.948.521.345
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	13.338.951.396	10.570.494.495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>13.066.196.244</u>	<u>15.021.626.603</u>
11. Thu nhập khác	31		29.627.741	5.378
12. Chi phí khác	32	28	40.260.039	312.924
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(10.632.298)</u>	<u>(307.546)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>13.055.563.946</u>	<u>15.021.319.057</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.769.076.505	2.975.770.853
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>10.286.487.441</u>	<u>12.045.548.204</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	929	1.088
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	929	1.088



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		172.664.088.440	163.687.905.581
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(120.599.557.801)	(126.005.683.668)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.237.282.954)	(20.949.087.439)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	21,26	(53.368.458)	(21.528.488)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	19	(3.149.915.816)	(3.034.378.206)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.730.267.896	1.744.451.373
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.474.542.095)	(9.355.745.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.879.689.212	6.065.933.328
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(1.181.777.545)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7,10	(35.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10	1.500.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,25	958.426.660	1.082.113.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.541.573.340)	(99.664.140)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.417.800.000	1.804.292.730
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.222.092.730)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21,22	(9.965.474.000)	(9.965.584.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.769.766.730)	(8.161.291.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.431.650.858)	(2.195.022.082)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	24.584.510.878	26.779.532.960
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,6	11.152.860.020	24.584.510.878



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/09/2019.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 1 công ty liên kết: Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục, tỷ lệ góp vốn 21,82%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Riêng dự phòng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	294.864.176	482.260.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.857.995.844	4.102.250.839
Cộng	9.152.860.020	4.584.510.878

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	2.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	20.000.000.000

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-
Cộng	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	4.137.116.982	4.140.439.272
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	7.081.130.120	12.336.288.270
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Hà Thành	2.037.725.387	4.139.461.303
Các đối tượng khác	46.207.086.830	41.192.308.561
Cộng	<u>59.463.059.319</u>	<u>61.808.497.406</u>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	-	111.142.850
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	4.137.116.982	4.140.439.272
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Chung công ty đầu tư	700.000.000	925.610.600
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	20.143.400	191.324.160
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	700.209.524	69.809.454
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư	575.960.660	811.311.150
Cộng		<u>6.133.430.566</u>	<u>6.249.637.486</u>

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	53.998.500	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	100.000.000	-
Công ty TNHH In Thanh Bình	-	147.217.409
Các đối tượng khác	80.948.113	65.869.874
Cộng	<u>234.946.613</u>	<u>213.087.283</u>

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	53.998.500	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	100.000.000	-
Cộng		<u>153.998.500</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	14.000.000.000	-
Công ty CP Sách Dân tộc (bên liên quan)	-	1.500.000.000
Cộng	<u>14.000.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

➤ Cho Công ty CP Đầu tư CMC vay theo các hợp đồng vay vốn sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01-EBS-CMC/2019/HĐVV ngày 19/09/2019: Số tiền cho vay theo hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 19/09/2019 đến ngày 19/09/2020. Lãi suất cho vay là 7,5%.
- Hợp đồng vay vốn số 02-EBS-CMC/2019/HĐVV ngày 29/10/2019: Số tiền cho vay theo hợp đồng là 7.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/07/2020. Lãi suất cho vay là 7,6%.
- Hợp đồng vay vốn số 03-EBS-CMC/2019/HĐVV ngày 12/12/2019: Số tiền cho vay theo hợp đồng là 5.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày 12/12/2019 đến ngày 12/06/2020. Lãi suất cho vay là 7,5%.

Các Hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp, phong tỏa 974.600 cổ phiếu EBS mà Công ty CP Đầu tư CMC đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư (IVS).

11. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	340.328.768	-	36.569.863	-
Tạm ứng	328.829.000	-	528.335.546	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.893.862.000	-
Phải thu Nhà xuất bản	200.000.000	-	200.000.000	-
GD Việt Nam (*)	-	-	-	-
Phải thu khác	61.363.231	-	877.486	-
Cộng	<u>930.520.999</u>	<u>-</u>	<u>2.659.644.895</u>	<u>-</u>

(*) Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội và Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam), 2 bên đã thống nhất thực hiện vốn góp để xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản- Phát hành Sách giáo khoa". Tổng vốn góp dự kiến là 220 tỷ đồng, trong đó: Phần vốn góp của Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội là 15%. Đến ngày 31/12/2019, Công ty mới góp 200 triệu đồng. Cho đến nay, dự án này đang tạm dừng đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP. Hà Nội (*)	3.544.380.624	-	3.461.598.000	-
Cộng	3.544.380.624	-	3.461.598.000	-

(*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010, Phụ lục số 01/2013/PLHĐGV ngày 01/11/2013, Phụ lục 01/2014/PLHĐGV ngày 01/07/2014, trong đó: Phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 25%. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí dự án. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa đi vào hoạt động, các bên thống nhất tìm đối tượng để chuyển nhượng dự án.

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	5.908.729.163	1.753.113.936
- Từ 3 năm trở lên	1.175.132.916	1.753.113.936
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	268.852.899	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.096.747.769	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	367.995.579	-
Cộng	5.908.729.163	1.753.113.936

Trong đó: Nợ xấu

	31/12/2019		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	
Phải thu khách hàng	1.175.132.916	-	
- DNTN Sách và VPP cuộc sống mới	751.214.823	-	Trên 3 năm
- Vụ Mầm non	125.697.600	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	298.220.493	-	Trên 3 năm
Cộng	1.175.132.916	-	

Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi là giá trị còn lại sau khi trừ giá gốc của khoản phải thu với mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.086.439.962	-	7.933.968.773	-
Chi phí SX, KD dở dang	11.853.269.314	-	22.571.995.081	-
Thành phẩm	12.335.015.534	1.008.089.044	9.387.341.884	415.251.096
Hàng hóa	1.218.289.622	7.116.818	1.063.890.970	-
Cộng	28.493.014.432	1.015.205.862	40.957.196.708	415.251.096

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2019.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Phí quản lý xuất bản	99.896.237	-
Phí bản thảo chế bản	83.080.000	-
Phí bản quyền	410.460.000	-
Chi phí khác	44.916.666	14.575.000
Cộng	638.352.903	14.575.000

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí thuê kho tại khu CN Nam Thăng Long	1.142.045.455	1.551.136.370
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án khu VP và nhà ở cao cấp Vinaconex (*)	9.583.854.103	9.835.508.933
Chi phí tổ chức bản thảo	133.734.306	772.817.500
Các khoản khác	272.585.962	640.647.605
Cộng	11.132.219.826	12.800.110.408

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1) và Công ty CP Sách GD tại TP. Hà Nội; Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014; Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% GTGT) vào năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	187.869.455	4.320.488.899	2.257.125.128	6.765.483.482
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	187.869.455	4.320.488.899	2.257.125.128	6.765.483.482
Khấu hao				
Số đầu năm	34.539.315	1.400.826.524	2.037.792.608	3.473.158.447
Phân loại lại	(5.939.394)	709.477.008	(703.537.614)	-
Khấu hao trong năm	37.573.891	562.518.822	312.388.727	912.481.440
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	66.173.812	2.672.822.354	1.646.643.721	4.385.639.887
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	159.269.534	2.210.185.367	922.870.134	3.292.325.035
Số cuối năm	121.695.643	1.647.666.545	610.481.407	2.379.843.595

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 642.953.815 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay.

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	33.250.000	33.250.000
Khấu hao trong năm	21.000.000	21.000.000
Số cuối năm	54.250.000	54.250.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	29.750.000	29.750.000
Số cuối năm	8.750.000	8.750.000

Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Các khoản đầu tư dài hạn

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	31/12/2019		01/01/2019	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết			2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
- Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	21,82%	240.000	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
Cộng			2.400.000.000	-	2.400.000.000	-

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2019		01/01/2019	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	3,00%	75.000	750.000.000	-	750.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (*)	1,84%	200.000	2.000.000.000	484.224.142	2.000.000.000	219.915.000
Cộng			2.750.000.000	484.224.142	2.750.000.000	219.915.000

Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư xuất bản – TBGD Việt Nam chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại ngày kết thúc niên độ kế toán, do đó Công ty không thể xác định được giá trị trường và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn, do đó khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.493.963.738	2.607.691.538
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	4.882.184.798	103.516.117
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.170.802.460	2.836.015.480
Các đối tượng khác	3.587.241.032	13.121.466.376
Cộng	11.134.192.028	18.668.689.511

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc	156.351.420	290.379.319
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Công ty đầu tư	1.493.963.738	2.607.691.538
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.170.802.460	2.836.015.480
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	83.080.000	245.056.615
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	82.766.903
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	4.882.184.798	103.516.117
Cộng		7.786.382.416	6.165.425.972

19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	5.080.100	70.572.614	6.620.178	-	69.032.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	496.514.295	2.769.076.505	3.149.915.816	-	115.674.984
Thuế thu nhập cá nhân	-	508.254.462	1.445.595.919	1.877.347.523	-	76.502.858
Các loại thuế khác	-	-	27.378.579	27.378.579	-	-
Cộng	-	1.009.848.857	4.312.623.617	5.061.262.096	-	261.210.378

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trích trước hoa hồng môi giới	6.643.261.345	-
Trích trước phí bản thảo chế bản	41.929.734	-
Các khoản trích trước khác	444.737.060	30.000.000
Cộng	7.129.928.139	30.000.000

21. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	92.671.916	75.979.047
Cổ tức phải trả	24.702.690	24.592.690
Phải trả khác	89.180.000	41.999.078
Cộng	206.554.606	142.570.815

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	12.598.628.953	12.864.509.178
Tăng trong năm	-	-	-	1.197.915.652	12.045.548.204
Giảm trong năm	-	-	-	-	11.772.416.233
Số dư tại 31/12/2018	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	13.137.641.149
Số dư tại 01/01/2019	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	13.137.641.149
Tăng trong năm	-	-	-	-	10.286.487.441
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.965.584.000
Số dư tại 31/12/2019	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	13.458.544.590

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	102.194.840.000	102.194.840.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	13.137.641.149	12.864.509.178
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	10.286.487.441	12.045.548.204
Phân phối lợi nhuận	9.965.584.000	11.772.416.233
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	9.965.584.000	9.965.584.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông (10%)	9.965.584.000	9.965.584.000
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	-	595.638.241
- Điều chỉnh quỹ KTPL năm trước	-	(595.638.241)
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	1.806.832.233
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	-	602.277.411
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	-	602.277.411
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)	-	602.277.411
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	13.458.544.590	13.137.641.149

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 167/SGDHN ngày 27/06/2019.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 27/06/2019 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2018 là 10%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2019.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu sách tham khảo	167.177.290.542	180.636.334.780
Doanh thu thiết bị giáo dục	2.752.041.500	1.777.878.060
Doanh thu văn phòng phẩm, khác	442.519.021	2.347.919.825
Doanh thu bán vở tự in	-	8.316.000
Cộng	170.371.851.063	184.770.448.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn sách tham khảo	114.520.565.526	125.950.356.692
Giá vốn thiết bị giáo dục	2.302.742.640	1.722.745.906
Giá vốn văn phòng phẩm, khác	326.513.546	2.352.078.552
Giá vốn bán vớ tự in	-	8.038.210
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	599.954.766	(742.828.221)
Cộng	117.749.776.478	129.290.391.139

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	899.185.565	719.113.405
Cổ tức, lợi nhuận được chia	363.000.000	363.000.000
Cộng	1.262.185.565	1.082.113.405

26. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí lãi vay	51.712.463	21.528.488
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	264.309.142	-
Cộng	316.021.605	21.528.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên bán hàng	11.487.423.490	16.130.695.981
Chi phí hoa hồng môi giới	7.075.480.095	7.016.595.346
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	2.100.567.627	1.880.846.489
Chi phí thuê kho	491.740.945	504.316.799
Chi phí khác	6.007.878.748	5.416.066.730
Cộng	27.163.090.905	30.948.521.345

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên quản lý	3.186.939.342	4.091.713.503
Khấu hao TSCĐ	933.481.440	892.636.648
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	935.870.768	741.688.451
Chi phí khác	4.127.044.619	5.141.182.817
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	4.155.615.227	(296.726.924)
Cộng	13.338.951.396	10.570.494.495

28. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	24.836.902	-
Các khoản khác	15.423.137	312.924
Cộng	40.260.039	312.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.055.563.946	15.021.319.057
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	369.291.657	(142.464.792)
- Điều chỉnh tăng	732.291.657	220.535.208
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	707.454.755	220.535.208
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	24.836.902	-
- Điều chỉnh giảm (cô tức nhận được)	363.000.000	363.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	13.424.855.603	14.878.854.265
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.769.076.505	2.975.770.853
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.684.971.122	2.975.770.853
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	84.105.383	-

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.286.487.441	12.045.548.204
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.028.648.744)	(1.204.554.822)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành)	1.028.648.744	1.204.554.822
	9.257.838.697	10.840.993.382
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	9.965.584
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	929	1.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.214.179.709	43.698.506.831
Chi phí nhân công	14.674.362.832	20.793.331.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	933.481.440	892.636.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.941.032.657	62.454.925.913
Chi phí khác bằng tiền	7.487.319.508	8.948.495.143
Cộng	130.250.376.146	136.787.896.517

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, ít phát sinh các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các phòng giáo dục và khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.134.192.028	-	11.134.192.028
Chi phí phải trả	7.129.928.139	-	7.129.928.139
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả khác	113.882.690	46.000.000	159.882.690
Cộng	18.378.002.857	46.000.000	18.424.002.857
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	18.668.689.511	-	18.668.689.511
Chi phí phải trả	30.000.000	-	30.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	1.804.292.730	-	1.804.292.730
Phải trả khác	66.591.768	46.000.000	112.591.768
Cộng	20.569.574.009	46.000.000	20.615.574.009

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.152.860.020	-	11.152.860.020
Đầu tư tài chính	21.000.000.000	2.265.775.858	23.265.775.858
Phải thu khách hàng	53.554.330.156	-	53.554.330.156
Phải thu về cho vay	14.000.000.000	-	14.000.000.000
Phải thu khác	601.691.999	3.544.380.624	4.146.072.623
Cộng	100.308.882.175	5.810.156.482	106.119.038.657
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.584.510.878	-	24.584.510.878
Đầu tư tài chính	-	2.530.085.000	2.530.085.000
Phải thu khách hàng	60.055.383.470	-	60.055.383.470
Phải thu về cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu khác	2.131.309.349	3.461.598.000	5.592.907.349
Cộng	88.271.203.697	5.991.683.000	94.262.886.697

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019	Năm 2018
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phí đăng ký xuất bản	16.400.000	2.470.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	5.604.834.904	5.061.299.909
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tổ chức bản thảo	3.160.875.400	1.257.788.960
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	12.384.841.620	11.602.884.290
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	3.152.447.750	3.052.424.640
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	1.045.399.000	838.213.743
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Mua sách tham khảo	188.615.000	302.435.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách tham khảo	50.770.000	190.801.545
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	716.652.700	155.734.900
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Tổ chức bản thảo	30.594.674.851	31.759.271.864
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách	-	54.323.123
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách	154.603.200	212.870.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	4.968.256.560	5.623.393.060
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	9.856.775.240	26.743.845.320
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	-	320.046.480
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Cung ứng sách	2.522.978.500	2.067.333.100
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách	1.497.809.880	207.328.160
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng sách	945.920.070	636.352.640
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Cung ứng sách	-	2.194.747.820
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	4.304.620.161	5.124.805.840

c. Các giao dịch khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.934.704.585	4.461.964.506

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 27/02/2020 Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 25/03/2020 để tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 10%, ngày thanh toán 15/04/2020.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” được trình bày lại cho phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2018	01/01/2019	Chênh lệch
			(Trình bày lại)	
Phải thu dài hạn khác	216	-	3.461.598.000	3.461.598.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3.461.598.000	-	(3.461.598.000)

**Nguyễn Thanh Tùng**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ
Nguyễn Thị Hoa**Người lập biểu**
Nguyễn Linh Trang